

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**



**MÔN HỌC: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MAC-LÊNIN**

**TIỂU LUẬN**

**LÍ LUẬN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MAC-LÊNIN VỀ  
DỊCH VỤ VÀ MỘT SỐ HÀNG HÓA ĐẶC BIỆT**



**HCMUTE**

**GVHD: Ninh Bá Vinh**

**Nhóm: 05 ( tiết 10-11 thứ 4)**

**Sinh viên thực hiện:**

<b>Lương Xuân Thắng</b>	<b>- 20110724</b>
<b>Lê Hải Đăng</b>	<b>- 20110243</b>
<b>Mai Hải Đăng</b>	<b>- 20110244</b>
<b>Văn Bá Trung Thành</b>	<b>- 20110722</b>
<b>Võ Văn Nghĩa</b>	<b>- 20110684</b>
<b>Nguyễn Đức Thịnh</b>	<b>- 20110256</b>
<b>Chu Trần Minh Đức</b>	<b>- 20110266</b>

**Tp. Hồ Chí Minh, tháng 5 năm 2021**

**ĐIỂM SỐ**

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG	BỐ CỤC	TRÌNH BÀY	TỔNG
ĐIỂM				

**NHẬN XÉT**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Ký tên*

## BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Nhóm lớp: 68.

Đề tài nghiên cứu: Lí luận của kinh tế chính trị mac-lênin về dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt.

### 1. Danh sách nhóm và các nhiệm vụ được phân công:

THỨ TỰ	NHIỆM VỤ	THỰC HIỆN	Đánh giá (Tỉ lệ %)
1	Lê Hải Đăng	Chia nhiệm vụ, tổng hợp nội dung, làm bảng phân công nhiệm vụ, chỉnh sửa lần cuối.	100 %
2	Lương Xuân Thắng	Thiết kế bìa và phần A	100 %
3	Võ Văn Nghĩa	Thiết kế bìa và phần A	100 %
4	Văn Bá Trung Thành	Tạo mục lục và phần C	100 %
5	Mai Hải Đăng	Tạo mục lục và phần C	100 %
6	Nguyễn Đức Thịnh	Làm phần B chương 1	100 %
7	Chu Trần Minh Đức	Làm phần B chương 2	100 %

### 2. Nhận xét của nhóm trưởng:

Qua quá trình làm tiểu luận, em - Lê Hải Đăng - nhóm trưởng nhóm 05 có các nhận xét sau:

1. Các bạn làm việc nghiêm túc và hiệu quả.
2. Có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, làm đúng thời hạn mà nhóm trưởng đưa ra.
3. Các bạn chủ động trao đổi và hỗ trợ nhau trong quá trình làm tiểu luận.
4. Mặc dù nhóm đã rất cố gắng, nhưng do tiểu luận cần tổng hợp nhiều kiến thức nên sẽ có vài thiếu sót, mong thầy sẽ cho nhóm thêm ý kiến để nhóm rút kinh nghiệm,.

## Mục lục

<b>A. PHẦN MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài:	
2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài:	
3. Phương pháp thực hiện đề tài:	
<b>B. PHẦN NỘI DUNG</b>	<b>2</b>
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN VỀ DỊCH VỤ VÀ MỘT SỐ HÀNG HÓA ĐẶC BIỆT.</b>	<b>2</b>
1.1. Lý luận của kinh tế chính trị học Mac-Lê nin về dịch vụ.	2
1.1.1. Khái niệm của dịch vụ.	
1.1.2. Đặc điểm của dịch vụ.	
1.2. Lý luận của kinh tế chính trị học Mac-Lênin về một số hàng hóa đặc biệt.	3
1.2.1. Khái niệm một số hàng hóa đặc biệt.	
1.2.2. Phân loại và đặc điểm của một số hàng hóa đặc biệt	
<b>CHƯƠNG 2: LIÊN HỆ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DỊCH VỤ VÀ CÁC LOẠI HÌNH HÀNG HÓA Ở VIỆT NAM</b>	<b>7</b>
2.1. Thực trạng các vấn đề dịch vụ và các loại hình hàng hóa ở Việt Nam.	7
2.1.1. Đánh giá thực trạng dịch vụ ở Việt Nam.	
2.1.2. Đánh giá thực trạng về các loại hình hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam.	
2.1.3. Những hạn chế, bất cập về dịch vụ và các loại hình hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam.	

2.2. Các giải pháp góp phần hoàn thiện dịch vụ và các loại hình hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam.	13
2.2.1. Các giải pháp cho dịch vụ	
2.2.2. Giải pháp cho các loại hình hàng hóa đặc biệt.	
<b>C. PHẦN KẾT LUẬN</b>	<b>16</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>18</b>

## **A. PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài:**

Trong nền kinh tế hiện đại, ngành dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt như quyền sử dụng đất, chứng khoán, cổ phiếu,... đã và đang hiện hành và phát triển trên thế giới nói chung, cũng như Việt Nam nói riêng. Trong lý thuyết về Kinh tế - chính trị Mác – Lê nin, chúng ta cũng có thể nhận thấy lý thuyết này cũng có đề cập đến “dịch vụ và hàng hóa đặc biệt”. Vậy lý thuyết này đã đưa ra các lý luận gì về dịch vụ và hàng hóa đặc biệt? Thực tiễn về ngành dịch vụ và hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam như thế nào? Để làm rõ hơn vấn đề đặt ra thì nhóm đã chọn đề tài “Lý luận kinh tế chính trị học Mác – Lê nin về dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt. Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam” để cùng nhau đi sâu về lý thuyết nhằm nhận thức rõ hơn về bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế của đời sống xã hội trong ngành dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt, giúp con người vận dụng các quy luật kinh tế một cách có ý thức vào hoạt động kinh tế từ đó giúp cho hoạt động kinh tế có hiệu quả cao hơn. Ngoài ra chúng ta sẽ liên hệ sự phát triển của dịch vụ và các loại hình hàng hóa ở Việt Nam để thấy được thực trạng và cùng nhau đề ra giải pháp để góp phần hoàn thiện dịch vụ và các loại hình hàng hóa ở Việt Nam.

### **2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài:**

- Mục tiêu của đề tài là tìm hiểu và đi sâu hơn vào “lý luận về kinh tế chính trị học của Mác - Lê nin về dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt” nhằm giúp chúng ta nhận thức rõ ràng về bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế trong ngành dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt. Giúp con người vận dụng các quy luật một cách có ý thức vào hoạt động kinh tế, từ đó giúp cho hoạt động kinh tế có hiệu quả cao hơn.

- Liên hệ thực tiễn về ngành dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam để hiểu rõ hơn về thực trạng của thành phần này trong nền kinh tế. Từ đó giúp chúng ta có cái nhìn tổng quát hơn về ngành dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt.

- Cùng nhau đưa các giải pháp góp phần hoàn thiện dịch vụ và các loại hình hàng hóa ở Việt Nam.

### **3. Phương pháp thực hiện đề tài:**

- Tiểu luận được thực hiện dựa trên các phương pháp: Phương pháp nghiên cứu, phân tích tài liệu và hệ thống hóa kiến thức.

## **B. PHẦN NỘI DUNG**

### **CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN VỀ DỊCH VỤ VÀ MỘT SỐ HÀNG HÓA ĐẶC BIỆT.**

#### **1.1. Lý luận của kinh tế chính trị học Mac-Lê nin về dịch vụ.**

##### **1.1.1. Khái niệm của dịch vụ.**

Dịch vụ là sản phẩm kinh tế gồm những công việc dưới dạng lao động thể lực, khả năng tổ chức, quản lý, kiến thức và kỹ năng chuyên môn nhằm phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh hay sinh hoạt tiêu dùng của tổ chức, cá nhân.

##### **1.1.2. Đặc điểm của dịch vụ.**

- Tính vô hình: Tính vô hình được thể hiện ở chỗ người ta không thể nào dùng các giác quan để cảm nhận được các tính chất cơ lý hóa của dịch vụ.

- Tính không thể tách rời: Dịch vụ thường được cung ứng và tiêu dùng một cách đồng thời, khác với hàng hoá vật chất thường phải sản xuất ra rồi nhập kho, phân phối qua nhiều nấc trung gian, rồi sau đó mới đến tay người tiêu dùng cuối cùng.

- Tính không đồng nhất: Khó có thể có một tiêu chuẩn chung nào để đánh giá được chất lượng của dịch vụ. (thậm chí cùng một loại hình dịch vụ cũng không có tiêu chí để đánh giá chất lượng bởi vì chất lượng của sản phẩm nói chung sẽ được đánh giá trước tiên thể hiện qua chỉ số kỹ thuật, tuy nhiên vì dịch vụ mang tính vô hình nên rất khó có được những chỉ số kỹ thuật và ở đây chất lượng dịch vụ được thể hiện ở sự thỏa mãn, hài lòng của người tiêu dùng – nhưng sự hài lòng của người tiêu dùng cũng rất khác nhau, nó có thể thay đổi rất nhiều).

- Tính không thể cất trữ: Tính không thể cất trữ là hệ quả của tính vô hình và không thể tách rời. Ở đây nhà cung cấp dịch vụ không cất trữ những dịch vụ nhưng họ cất trữ khả năng cung cấp dịch vụ cho những lần tiếp theo. Dịch vụ chỉ tồn tại vào thời gian mà nó được cung cấp. Do vậy, dịch vụ không thể sản xuất hàng loạt để cất vào kho dự trữ, khi có nhu cầu thị trường thì đem ra bán.

- Tính không chuyển quyền sở hữu được: Khi mua một hàng hoá, khách hàng được chuyển quyền sở hữu và trở thành chủ sở hữu hàng hoá mình đã mua. Khi mua dịch vụ thì khách hàng chỉ được quyền sử dụng dịch vụ, được hưởng lợi ích mà dịch vụ mang lại trong một thời gian nhất định.

## **1.2. Lý luận của kinh tế chính trị học Mac-Lênin về một số hàng hóa đặc biệt.**

### **1.2.1. Khái niệm một số hàng hóa đặc biệt.**

Nền sản xuất hàng hóa ngày nay hình thành quan hệ mua bán nhiều yếu tố không hoàn toàn do lao động hao phí mà có. Những yếu tố này được xem là những hàng hóa đặc biệt.

### **1.2.2. Phân loại và đặc điểm của một số hàng hóa đặc biệt**

Tính đặc biệt của các hàng hóa đó thể hiện ở điểm, chúng có các đặc trưng như: có giá trị sử dụng, có giá cả, có thể trao đổi, mua bán nhưng lại không do hao phí lao động trực tiếp tạo ra như các hàng hóa thông thường khác.

Khi xuất hiện hiện tượng trao đổi, mua bán các hàng hóa đặc biệt như vậy, làm cho nhiều người ngộ nhận cho rằng lý luận về hàng hóa của C.Mác không còn phù hợp. Thực chất do họ chưa phân biệt được hàng hóa và những yếu tố có tính hàng hóa. Quyền sử dụng đất đai, thương hiệu(danh tiếng), chứng khoán, chứng quyền là một số yếu tố điển hình trong số đó. Sau đây sẽ xem xét về các yếu tố này.

- **Quyền sử dụng đất đai**

Khi thực hiện mua bán quyền sử dụng đất, nhiều người lầm tưởng đó là mua bán đất đai. Trên thực tế, họ trao đổi với nhau quyền sử dụng đất.



Quyền sử dụng đất, có giá trị sử dụng, có giá cả nhưng không do hao phí lao động tạo ra theo cách như các hàng hóa thông thường. Thực tế, giá cả của quyền sử dụng đất này sinh ra do tính khan hiếm của bề mặt vỏ quả địa cầu và do trình độ phát triển của sản xuất.

Sự phát triển của sản xuất gia tăng làm nảy sinh nhu cầu cần mặt bằng để kinh doanh; sự gia tăng quy mô dân số thúc đẩy nhu cầu về mặt bằng để cư trú. Trong khi quyền sử dụng đất lại được ấn định cho các chủ thể nhất định. Cho nên, xuất hiện nhu cầu mua, bán quyền sử dụng đất. Trong quan hệ đó, người mua và người bán phải trả hoặc nhận được một lượng tiền. Đó là giá cả của quyền sử dụng đất.

Ngày nay, do nhu cầu nguồn lực và mặt bằng để phục vụ sản xuất, kinh doanh, người ta có thể mua, bán cả quyền sử dụng mặt nước, thậm chí một phần mặt biển, sông, hồ,... những hiện tượng này chỉ là sự phát sinh của việc sử dụng mảnh vỏ địa cầu để trao đổi, mua bán dựa trên quyền sử dụng đã được thừa nhận mà thôi.

Trong xã hội hiện đại, xuất hiện hiện tượng một bộ phận xã hội trở nên có số lượng tiền nhiều (theo quan niệm thông thường là giàu có) do mua bán quyền sử dụng đất. Vậy bản chất của hiện tượng này là gì?

Xét về bản chất, số lượng tiền đó chính là hệ quả của việc tiền từ túi chủ thể này, chuyển qua túi chủ thể khác. Tiền trong trường hợp như vậy là phương tiện thanh toán, không phải thước đo giá trị.

Nhưng do thực tế, có nhiều tiền là có thể mua được các hàng hóa khác, nên người ta thường cho rằng có nhiều giá trị (hay giàu có). Sự thực, không phải như vậy. Từng cá nhân có thể trở nên giàu có nhờ buôn bán quyền sử dụng đất, do so sánh số tiền họ bỏ ra với số tiền mà họ thu được là có chênh lệch dương. Nhưng, một xã hội chỉ có thể giàu có nhờ đi từ sản xuất tạo ra hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ); của cải chứ không thể chỉ đi từ mua bán quyền sử dụng đất.

- Thương hiệu (Danh tiếng)

Trong thực tế ngày nay, thương hiệu của doanh nghiệp (hay danh tiếng của một cá nhân) cũng có thể trao đổi, mua bán, được định giá, tức chúng có giá cả, thậm chí có giá cả cao. Đây là những yếu tố có tính hàng hóa và gần với lý luận hàng hóa của C.Mác. Bởi lẽ, thương hiệu hay danh tiếng không phải ngay tự nhiên mà có được, nó phải là kết quả của sự nỗ lực của sự hao phí sức lao động của người nắm giữ thương hiệu, thậm chí của nhiều người. Ngay kể cả một cầu thủ đá bóng được định giá rất cao, thì cầu thủ đó cũng đã phải hao phí thần kinh, cơ bắp thực sự cùng với tài năng. Người ta mua bán hoạt động lao động là đá bóng của cầu thủ đó, nghĩa là mua cái cách thức đá bóng của cầu thủ đó gắn với cơ thể sinh học của anh ta. Sở dĩ giá cả của các vụ mua bán đó rất cao là vì sự khan hiếm của cái lối chơi bóng đó khác với lối chơi bóng của cầu thủ khác. Mà cái lối chơi này, không phải ai cũng có được, nó còn do năng khiếu bẩm sinh. Giá cả trong các vụ mua bán như vậy vừa phản ánh giá trị hoạt động lao động đá bóng, vừa phản ánh yếu tố tài năng, vừa phản ánh lợi ích kỳ vọng của câu lạc bộ mua

- Chứng khoán, chứng quyền và một số giấy tờ có giá
- Chứng khoán

Chứng khoán là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phần vốn của tổ chức phát hành. Chứng khoán được thể hiện bằng hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

Chứng khoán có các thuộc tính sau:

- Thứ nhất, chứng khoán có tính thanh khoản, nghĩa là chứng khoán có thể được chuyển đổi thành tiền mặt;
- Thứ hai, chứng khoán có tính sinh lời, nghĩa là chứng khoán có khả năng tạo thu nhập cho chủ sở hữu;
- Thứ ba, chứng khoán có tính rủi ro, nghĩa là việc sở hữu, mua bán chứng khoán có thể làm giảm thu nhập của chủ sở hữu.

Quy định của pháp luật các nước về các loại chứng từ có giá là chứng khoán không hoàn toàn giống nhau. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, chứng khoán bao gồm: cổ phiếu; trái phiếu; chứng chỉ quỹ đầu tư, các loại chứng khoán khác.

- Chứng quyền

Là 1 loại chứng khoán cho phép, nhưng không bắt buộc người nắm giữ có thể mua/bán 1 chứng khoán cơ sở tại 1 mức giá xác định ở 1 thời điểm xác định trong tương lai.

Theo quy định tại Khoản 8 Điều 6 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2010, giấy tờ có giá được định nghĩa là “bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác”.

Về phương diện lý thuyết, giấy tờ có giá có thuộc tính cơ bản là:

- Xác nhận quyền tài sản của một chủ thể xác định
- Trị giá được bằng tiền
- Có thể chuyển giao quyền sở hữu cho chủ thể khác trong giao lưu dân sự.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, giấy tờ có giá bao gồm các loại cơ bản sau đây: hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc, công cụ chuyển nhượng khác được quy định tại Điều 4 Luật Các công cụ chuyển nhượng năm 2005

- Hối phiếu đòi nợ là giấy tờ có giá do người ký phát lập, yêu cầu người bị ký phát thanh toán không điều kiện một số tiền xác định khi có yêu cầu hoặc vào một thời điểm nhất định trong tương lai cho người thụ hưởng.

- Hối phiếu nhận nợ là giấy tờ có giá do người phát hành lập, cam kết thanh toán không điều kiện một số tiền xác định khi có yêu cầu hoặc vào một thời điểm nhất định trong tương lai cho người thụ hưởng.

- Séc là giấy tờ có giá do người ký phát lập, ra lệnh cho người bị ký phát là ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trích một số tiền nhất định từ tài khoản của mình để thanh toán cho người thụ hưởng.

## **CHƯƠNG 2: LIÊN HỆ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DỊCH VỤ VÀ CÁC LOẠI HÌNH HÀNG HÓA Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Thực trạng các vấn đề dịch vụ và các loại hình hàng hóa ở Việt Nam.**

#### **2.1.1. Đánh giá thực trạng dịch vụ ở Việt Nam.**

Dịch vụ ngày càng trở thành động lực và nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế. Các phân ngành dịch vụ đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế là sửa chữa ô tô xe máy, vận tải, kho bãi và truyền thông, khách sạn và nhà hàng, dịch vụ kinh doanh, giáo dục và đào tạo.

Phát triển lĩnh vực dịch vụ tạo việc làm, giảm nghèo và thúc đẩy phát triển xã hội. Phát triển lĩnh vực dịch vụ đã đóng góp đáng kể vào những thành tựu nổi bật này. Chất lượng dịch vụ công cơ bản như giáo dục, y tế, điện, nước sạch đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện đời sống người nghèo. Sự phát triển các dịch vụ y tế và giáo dục không chỉ được coi là động lực của tăng trưởng bền vững mà còn là cơ hội để người nghèo thoát khỏi bẫy đói nghèo.

Một lợi ích tiềm năng nữa từ sự phát triển lĩnh vực dịch vụ là việc phân bổ rộng rãi các lợi ích của quá trình phát triển kinh tế ra cả nước, không chỉ ở các thành phố mà còn ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Đóng góp của ngành dịch vụ vào tăng trưởng ngày càng tăng; đã tập trung phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao như công nghệ thông tin, truyền thông, logistics, hàng không, tài chính, ngân hàng, du lịch, thương mại điện tử... Mạng lưới thương mại và dịch vụ phát triển mạnh trên phạm vi cả nước, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Ngành du lịch tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm, nhất là tại các vùng du lịch trọng điểm. Khách quốc tế năm 2015 đạt khoảng 7,9 triệu lượt, gấp gần 1,6 lần so với năm 2010. Mở rộng miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và công dân của nhiều nước để khuyến khích phát triển thương mại, đầu tư và du lịch.

Mạng lưới và cơ cấu đào tạo hợp lý hơn; quy mô, chất lượng và sự công bằng trong tiếp cận giáo dục được cải thiện. Ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ có bước tiến bộ, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, thông tin truyền thông, y tế, xây dựng. Thị trường khoa học công nghệ có bước phát triển, giá trị giao dịch tăng 13,5%/năm. Số lượng sáng chế và các giải pháp hữu ích đăng ký bảo hộ gấp gần 2,2 lần so với giai đoạn 2006 - 2010. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam năm 2015 tăng 19 bậc so với năm 2010.

Nhiều công trình hạ tầng thiết yếu về giao thông, năng lượng, thủy lợi, đô thị, thông tin truyền thông, y tế, giáo dục... được đưa vào sử dụng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, tạo diện mạo mới cho đất nước. Công tác y tế dự phòng và chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Giảm quá tải bệnh viện đạt những kết quả tích cực. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống các bệnh viện. Ứng dụng kỹ thuật hiện đại vào khám chữa bệnh đạt nhiều kết quả. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt gần 75%. Chất lượng, phương thức thông tin ngày càng được đa dạng hóa, đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, thông tin đối ngoại và phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Các dịch vụ tài chính ngân hàng tiếp tục phát triển, đa dạng hóa và hiện đại hóa. Hoạt động xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém được đẩy mạnh. Đến tháng 9-2015, nợ xấu còn 2,9% (tháng 9-2012 là 17,43%) và đã giảm 17 tổ chức tín dụng. Các công ty tài chính, chứng khoán, bảo hiểm từng bước được cơ cấu lại; công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường; thông tin ngày càng công khai, minh bạch; hiệu quả hoạt động được cải thiện. Thanh khoản và an toàn hệ thống được bảo đảm.

Quy mô thị trường chứng khoán tăng, mức vốn hoá thị trường cổ phiếu đạt khoảng 33% GDP và thị trường trái phiếu đạt khoảng 23% vào cuối năm 2015. Đã có 59 nước công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Quan hệ thị trường thương mại tự do với 55 quốc gia và nền kinh tế, trong đó có 15 quốc gia trong Nhóm G-20.

Theo số liệu mới nhất vừa được cơ quan thống kê công bố, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động thương mại, dịch vụ trong tháng, hoạt động mua sắm hàng hóa, chi tiêu của người tiêu dùng giảm mạnh, nhiều cơ sở lưu trú, ăn uống, lễ hành phải tạm đóng cửa trong thời gian giãn cách xã hội.

Ước tính tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tư giảm 26% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 10,3%). Tính chung 4 tháng đầu năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 4,3%. Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 4 tháng ước tính đạt 1.224,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 80,6% tổng mức và tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Sở dĩ doanh thu bán lẻ hàng hóa 4 tháng đầu năm 2020 vẫn tăng nhẹ do hình thức mua sắm trực tuyến được người tiêu dùng ưa chuộng trong thời gian gần đây. Tốc độ tăng/giảm doanh thu bán lẻ hàng hóa so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Hà Nội tăng 5,3%; Hải Phòng tăng 3,8%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 3,2%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 2,9%; Đà Nẵng giảm 6,8%; Thanh Hóa giảm 3,7%; Nghệ An giảm 2,9%; Cần Thơ giảm 0,8%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 4 tháng đầu năm ước tính đạt 143 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,4% tổng mức và giảm 23,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 10,1%) do thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giãn cách xã hội nên nhiều cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, giải trí, ăn uống ngoài gia đình đã tạm ngừng hoạt động để ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 4 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước giảm mạnh ở hầu hết các địa phương, trong đó Khánh Hòa giảm 52,1%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 45%; Hà Nội giảm 42,9%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 42,4%; Đà Nẵng giảm 41,4%; Thanh Hóa giảm 39,7%; Quảng Bình giảm 34,9%; Cần Thơ giảm 30,7%; Hải Phòng giảm 26,5%; Quảng Ninh giảm 25,3%.

Doanh thu du lịch lữ hành 4 tháng đầu năm ước tính đạt 7,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng mức và giảm 45,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 12,6%) do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trên toàn thế giới, Việt Nam tạm dừng cấp thị thực cho người nước ngoài và nhiều địa điểm tham quan du lịch ngừng hoạt động trong giai đoạn giãn cách xã hội.

### **2.1.2 Đánh giá thực trạng về các loại hình hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam.**

- Quyền sử dụng đất: Luật Đất đai 45/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/07/2014. Đến nay, đây vẫn là luật gốc điều chỉnh mọi hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai. Tồn tại những nội dung quan trọng nhất của Luật Đất đai năm 2013, liên quan trực tiếp đến mọi người dân như Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thời hạn sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân; Các trường hợp vi phạm bị Nhà nước thu hồi đất; Mức đền bù giải phóng mặt bằng khi bị thu hồi đất; Thủ tục giải quyết tranh chấp về đất đai; Hướng dẫn cách tính tiền sử dụng đất.

- Thương hiệu: Hầu hết các doanh nghiệp đều đăng ký thương hiệu cho sản phẩm của mình ở thị trường trong nước. Việt Nam là nước đang phát triển, giàu tài nguyên thiên nhiên; nông, lâm, thủy sản, khoáng sản, nguồn nhân lực dồi dào là điều kiện rất thuận lợi cho việc sản xuất và kinh doanh. Là nước mà được nhiều quốc gia trên thế giới đầu tư cho quá trình phát triển kinh tế. Có điều kiện để hội nhập được với thị trường trong khu vực và trên thế giới. Mỗi năm có hàng ngàn công ty (doanh nghiệp) được hình thành và đăng ký kinh doanh đưa nền kinh tế nước ta ngày càng phát triển. Việt Nam cũng là một thị trường tiêu thụ khả thi cho các doanh nghiệp đầu tư. Ngày càng nhiều được các nhà đầu tư nước ngoài, việt kiều về nước ủng hộ, cung cấp vốn đầu tư vào Việt Nam,...

- Chứng khoán, chứng quyền và một số giấy tờ có giá: Thông tin từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cho biết, diễn biến của TTCK Việt Nam trong quý I/2020 có nhiều nét tương đồng với TTCK thế giới. Trong tháng 1/2020, TTCK Việt Nam tiếp tục đà tăng điểm từ cuối năm 2019. Tuy nhiên, do những diễn biến phức tạp của dịch

bệnh, TTCK Việt Nam đã trải qua 2 kỳ giảm điểm nhanh và mạnh. Kết thúc quý I/2020, chỉ số VN-Index đã mất 33% giá trị so với thời điểm cuối năm 2019. Sang tháng 4, TTCK Việt Nam là một trong những thị trường phục hồi nhanh và mạnh nhất thế giới khi từ ngày 1/4 đến ngày 17/4, thị trường ghi nhận 11/12 phiên tăng điểm và đã tăng trên 19% nhờ diễn biến tích cực hơn của TTCK quốc tế, công tác kiểm soát dịch Covid-19 hiệu quả tại Việt Nam và đánh giá tích cực của các tổ chức quốc tế về tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 so với các nước trong khu vực.

### **2.1.3. Những hạn chế, bất cập về dịch vụ và các loại hình hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam.**

- Những hạn chế, bất cập về dịch vụ ở Việt Nam

- Thứ nhất, tốc độ tăng chưa bền vững. Ngành Dịch vụ vẫn chưa thể hiện được vai trò chủ đạo dẫn dắt tốc độ tăng trưởng nền kinh tế. So với các nước trong khu vực và trên thế giới, quy mô và chất lượng dịch vụ của Việt Nam quá thấp; Tốc độ chuyển dịch cơ cấu GDP của nền kinh tế theo hướng dịch vụ hóa còn rất chậm, so với 5 năm trước, tỷ trọng của các ngành Dịch vụ trong GDP hầu như không thay đổi và mức độ tác động lan tỏa thấp. Hiện ngành Dịch vụ chỉ đóng góp khoảng 40% GDP, tỷ lệ này thấp hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, đặc biệt ở nhóm nước phát triển, dịch vụ được đánh giá là khu vực trọng điểm cho sự phát triển kinh tế, thông thường dịch vụ đóng góp từ 70-80% GDP. Trường hợp của Trung Quốc cho thấy là nền kinh tế đứng thứ hai trên thế giới, đến nay nền kinh tế nước này không đơn thuần chỉ dựa vào sản xuất mà còn hướng đến dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Thứ hai, tại Việt Nam các ngành dịch vụ thậm chí tri thức, khoa học và công nghệ phát triển còn chậm. Các ngành dịch vụ mang tính chất “động lực” hay “huyết mạch”, có hàm lượng tri thức cao như: Tài chính - tín dụng, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế... còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong GDP của toàn nền kinh tế và cũng thấp hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực, phản ánh chất lượng tăng trưởng không cao.



- Thứ ba, hệ thống phân phối còn nhiều bất cập, chi phí trung gian lớn, chưa kết nối thông suốt, hiệu quả và chưa bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ; Chất lượng dịch vụ còn thấp, tính chuyên nghiệp chưa cao; Các dịch vụ khoa học và công nghệ chưa thực sự gắn kết với nhu cầu và hoạt động của các ngành kinh tế, xã hội, chậm đưa vào ứng dụng những kết quả đã nghiên cứu được.

- Thứ tư, thị trường khoa học công nghệ của Việt Nam còn sơ khai; Cơ sở vật chất và đầu tư cho khoa học công nghệ còn chưa tương xứng; Đóng góp của khoa học công nghệ vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá chưa cao; Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử còn chậm; Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng còn nhiều bất cập; Sự gắn kết giữa công nghiệp - nông nghiệp với dịch vụ còn nhiều bất cập; Các dịch vụ đối ngoại phát triển vừa thiếu quy hoạch vừa dưới tiềm năng và chưa hiệu quả, chưa phát huy hết các lợi thế và chuẩn bị tốt các điều kiện cho chủ động hội nhập...

- Thứ năm, tuy số lượng doanh nghiệp trong ngành Dịch vụ tăng nhanh nhưng quy mô còn rất nhỏ và giá trị gia tăng bình quân của một doanh nghiệp dịch vụ đang có xu hướng giảm. Có thể nói, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hiện nay đa phần là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

- Những hạn chế, bất cập về các loại hình hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam

- Quyền sử dụng đất đai:

+ Một số quy định của pháp luật về đất đai còn thiếu minh bạch, rõ ràng, không còn phù hợp ở thời điểm hiện tại.

+ Quy định của pháp luật về việc thu hồi đất còn chưa hoàn thiện, việc thi hành pháp luật về thu hồi đất còn một số bất cập.

- Thương hiệu:

Một số doanh nghiệp vẫn không chịu đăng ký ở các thị trường có khả thi tiêu thụ được sản phẩm của doanh nghiệp. Họ cho rằng không cần đăng ký thương hiệu thì sản

phẩm của họ vẫn tiêu thụ được, đăng ký thương hiệu thêm tốn tiền mà lúc đó sản phẩm lại không tiêu thụ được thì phí.

- + Nhận thức của các doanh nghiệp Việt Nam về tầm quan trọng của xây dựng thương hiệu còn hạn chế.

- + Các thương hiệu Việt Nam bị các thương hiệu nước ngoài lấy cắp ngay trên thị trường nội địa đẩy vào những đoạn thị trường chật hẹp.

- + Các doanh nghiệp Việt Nam vốn đã yếu thế trong cạnh tranh với hàng ngoại nay lại tổn hao sức lực để đối phó với hàng nhái, hàng giả. Còn đối với các nhà đầu tư nước ngoài hàng nhái, hàng giả sẽ làm cho họ bớt mặn mà khi đầu tư vào Việt Nam. Với người tiêu dùng chịu thiệt thòi hơn cả, họ sẽ mất lòng tin vào hàng Việt Nam.

- Chứng khoán, chứng quyền, giấy tờ có giá:

Luật Chứng khoán đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập, cụ thể như sau:

- + Một số quy định thiếu minh bạch, rõ ràng, thiếu tính hệ thống, không còn phù hợp trước sự phát triển không ngừng của TTCK và yêu cầu của nhà đầu tư;

- + Một số quy định không còn phù hợp, thống nhất, đồng bộ với một số quy định mới được sửa đổi, bổ sung tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- + Những quy định hiện hành chưa điều chỉnh hiệu quả một số vấn đề mới phát sinh khi TTCK phát triển (sự đa dạng của các công cụ tài chính, sự thay đổi trong các hình thức giao dịch ...) đã tạo ra lỗ hổng về pháp lý, làm ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia TTCK và khó khăn cho việc quản lý, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## **2.2. Các giải pháp góp phần hoàn thiện dịch vụ và các loại hình hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam.**

### **2.2.1. Các giải pháp cho dịch vụ**

Với thực trạng của ngành dịch vụ ở Việt Nam, việc hoàn thiện và phát triển hơn nữa cho ngành dịch vụ sẽ giúp kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh. Và để thực hiện được điều đó thì các giải pháp đưa ra là cần thiết. Một số giải pháp được đề xuất là:

Tạo lập môi trường chung cho phát triển các ngành dịch vụ. Năm 2020, hoàn thiện luật và hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện gồm: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tăng cường công tác điều phối các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các Nghị định về điều kiện kinh doanh, xuất nhập khẩu các ngành dịch vụ thuộc danh mục kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp vào năm 2020.

Phát triển hệ thống tổ chức tín dụng đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế; thúc đẩy việc ứng dụng các công nghệ chủ chốt của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động quản lý, phát triển, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ.

Rà soát, hoàn thiện xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin; giáo dục đào tạo; du lịch...; phát triển thị trường công nghệ thông tin và truyền thông bền vững.

Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ; đề xuất tăng quy mô tài chính cho các quỹ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp để đầu tư đổi mới công nghệ.

Khuyến khích các địa phương khai thác những thế mạnh dịch vụ sẵn có, đặc biệt là dịch vụ du lịch. Hỗ trợ vốn, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nguồn vốn từ bên ngoài.

### **2.2.2. Giải pháp cho các loại hình hàng hóa đặc biệt.**

Mỗi loại hình hàng hóa đặc biệt khác nhau đều tồn tại những hạn chế riêng. Vì vậy, cần đưa ra những giải pháp để khắc phục những hạn chế và góp phần hoàn thiện hơn nữa các loại hình hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam. Những giải pháp có thể xem xét đối với một số loại hàng hóa đặc biệt dưới đây:

- Đối với quyền sử dụng đất đai:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền sử dụng đất. Kiểm soát chặt chẽ vấn đề pháp lý về quyền sử dụng đất. Xử lý nghiêm những hành vi làm giả giấy tờ về quyền sử dụng đất. Đưa ra những chính sách hợp lý để nâng cao giá trị của quyền sử dụng đất. Ngoài ra, những người sử dụng đất cần nắm bắt được những quy định của pháp luật về quyền sử dụng đất để tránh trở thành nạn nhân của những vụ lừa đảo mua bán quyền sử dụng đất từ việc làm giả giấy tờ.

- Đối với Thương hiệu:

Một là, gia tăng tốc độ dịch chuyển trong nhận thức, thay đổi tư duy về phát triển thương hiệu Việt. Hai là, ứng dụng và kết nối công nghệ mang thương hiệu Việt: Giải pháp này có thể tiến hành đột phá trong xây dựng thương hiệu đối với các doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp. Ba là, tăng cường tính kết nối giữa ba chủ thể: Nhà nước – Doanh nghiệp – Người tiêu dùng. Bốn là, tiếp cận mạnh mẽ đến khái niệm thương hiệu chủ lực: Từ ngành hàng chủ lực đến sản phẩm chủ lực, chúng ta sẽ có được những thương hiệu chủ lực.

- Chứng khoán, chứng quyền, giấy tờ có giá:

- Thứ nhất, hoàn thành xây dựng các Nghị định và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán (sửa đổi) đúng tiến độ nhằm tạo môi trường tốt nhất, minh bạch nhất cho doanh nghiệp trong việc huy động vốn, tạo điều kiện công bằng và bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư tham gia thị trường chứng khoán.

- Thứ hai, tập trung tái cơ cấu lại thị trường chứng khoán, trình Chính phủ thành lập Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại hai Sở giao dịch

chứng khoán hiện tại để phát huy hiệu quả hơn hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán; sớm đưa hệ thống công nghệ thông tin mới đồng bộ vào vận hành theo đúng tiến độ để phục vụ tốt hơn nhu cầu giao dịch của các nhà đầu tư.

- Thứ ba, hoàn thiện cơ chế cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đẩy mạnh công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước gắn với việc niêm yết và đăng ký giao dịch nhằm tăng cường phát triển quy mô và chất lượng thị trường chứng khoán Việt Nam, phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và công chúng đầu tư.

- Thứ tư, triển khai các giải pháp nâng hạng Thị trường chứng khoán Việt Nam từ hạng “Thị trường cận biên” lên hạng “Thị trường mới nổi” trên bảng xếp hạng của tổ chức về xếp hạng thị trường (MSCI và FTSE); xây dựng các quy định về xếp hạng tín nhiệm và thiết lập tổ chức định mức tín nhiệm của Việt Nam.

- Thứ năm, công tác thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm cũng được tăng cường nhằm đảm bảo kỷ cương, kỷ luật thị trường, tạo dựng lòng tin cho công chúng đầu tư, giúp thị trường phát triển một cách ổn định và bền vững.

### **C. PHẦN KẾT LUẬN**

Tóm lại, qua những phân tích trên ta nhận xét được, dịch vụ và hàng hóa đặc biệt là những khái niệm bao quát của chủ nghĩa Mác-Lênin. Với bản chất khoa học cách mạng đã được Mác-Lênin soạn và viết ra một cách cụ thể từng vấn đề, đã chứng minh niềm tin của Đảng và Bác Hồ vào triết lý khoa học này. Do đó dịch vụ và hàng hóa đặc biệt hiện nay đã được vận dụng vào nước ta ở nhiều hướng và phạm trù khác nhau và mang lại những lợi ích vô cùng to lớn để phát triển đất nước. Nhằm nâng cao kinh tế đất nước sau chiến tranh, đặc biệt việc nước ta đang bước vào con đường hội nhập ra thế giới, thì dịch vụ và hàng hóa đang được chú ý quan trọng.

Tuy rằng, việc vận dụng quan điểm triết học Mác-Lênin về dịch vụ, hàng hóa đặc biệt đã mang lại nhiều thành tựu về kinh tế đối với nước ta. Nhưng việc vận dụng quan

điểm ở nước ta trên đã có nhiều vấn đề và nhược điểm cần được Đảng và nhà nước chỉnh sửa lại. Tóm lại, việc vận dụng một triết học quan điểm nào đó và một nước đều có những ưu điểm và nhược điểm không thể tránh khỏi. Nhưng để phát triển và biến quan điểm đó phù hợp với một đất nước thì cần phải sàng lọc và kết tinh chúng lại với nhau.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2015 và 5 năm 2011 - 2015; phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2016 - 2020 và năm 2016 của Chính phủ tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII, ngày 20-10-2015)

<http://www.nhandan.com.vn/kinhte/hoi-nhap/item/27903902-cac-nuoc-tpp-cam-ket-xoa-bo-78-95-dong-thuc-nhap-khau-cho-viet-nam.htm>